

Bản án số: **26/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-5-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Thi
2. Ông Đào Hoàng Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44C/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-4-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04-5-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Tuyết L**, sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: ấp LA, xã N, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang
2. Bị đơn: Anh **Ngô Quang U**, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/10/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị **Lê Thị Tuyết L** trình bày:*

Chị và anh Ngô Quang U chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, khi đó chị vừa mang thai nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung mà mâu thuẫn ngày càng nhiều và đã thật sự ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Từ khi ly thân đến nay không ai còn quan tâm đến ai.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Lê Huỳnh Gia P, sinh ngày 07/10/2016.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cƯng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Ngô Quang U;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con; hiện chị đang làm nghề mua bán nhỏ nên có thu nhập ổn định mỗi tháng 5.000.000 đồng. Vì vậy, xác định bản thân đủ điều kiện nuôi con mà không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng nợ chung tài sản gì đối với ai khác cƯng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn anh Ngô Quang U vắng mặt lần thứ hai không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp L.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể

nếu không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị Tuyết L ly hôn anh Ngô Quang U; về quan hệ nuôi con chung: giao Lê Huỳnh Gia P, sinh ngày 07/10/2016 cho chị L trực tiếp nuôi, anh U không cấp dưỡng nuôi con cùng chị L sau khi vợ chồng ly hôn; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn anh Ngô Quang U biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* của nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L. Nhưng bị đơn anh U không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 13/11/2020 Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“.....Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải”*.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp L các thủ tục xét xử cho bị đơn anh Ngô Quang U, nhưng bị đơn anh U vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp L cho bị đơn anh U, nhưng bị đơn anh U vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị L không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Ngô Quang U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết L và anh Ngô Quang U tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban

nhân dân xã B, huyện Vĩnh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh U là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng: Theo chị L trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, thậm chí khi chị vừa mang thai thì vợ chồng vẫn mâu thuẫn cãi nhau không thể nào khắc phục được nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng nhiều, ngày càng trầm trọng và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh U là có thật, phù hợp với lời trình bày của chị L nêu trên (Bút lục số 23).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh U theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo chị L, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Huỳnh Gia P, sinh ngày 07/10/2016. Khi ly hôn, yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp L cho anh U, nhưng anh U vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của chị L nêu ra và cUng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, từ khi vợ chồng ly thân đến nay con do chị L trực tiếp nuôi. Việc chị L không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của chị L nêu ra thì hiện nay chị có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chị L. Vì vậy, cần giao cháu Lê Huỳnh Gia P, sinh ngày 07/10/2016 cho chị L trực tiếp nuôi sau khi chị L và anh U ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo chị L, vợ chồng không tài sản chung; không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cUng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị L về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh U biết, nhưng đến nay anh U không có ý

kiến gì phản bác ý kiến của chị L và cUng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (chị L, anh U) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Tuyết L ly hôn anh Ngô Quang U.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Lê Huỳnh Gia P, sinh ngày 07/10/2016 cho chị L trực tiếp nuôi, anh U không cấp dưỡng nuôi con cùng chị L sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003891 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2021); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp L.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh